

Số: 3341/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ các Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; số 166/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Kế hoạch - Tài chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-TTg ngày 06/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Căn cứ các Quyết định số 1333/QĐ-BTC ngày 11/4/2025, số 1419/QĐ-BTC ngày 21/4/2025, số 1524/QĐ-BTC ngày 28/4/2025, số 1533/QĐ-BTC ngày 29/4/2025, số 1802/QĐ-BTC ngày 20/5/2025, số 1944/QĐ ngày 3/6/2025, số 1989/QĐ-BTC ngày 09/6/2025, số 2077/QĐ-BTC ngày 20/6/2025, số 2205/QĐ-BTC ngày 29/6/2025, số 2207/QĐ-BTC ngày 29/6/2025, số 2217/QĐ-BTC ngày 29/6/2025, số 2476/QĐ-BTC ngày 15/7/2025, số 2478/QĐ-BTC ngày 15/7/2025, số 2750/QĐ-BTC ngày 07/8/2025, số 2756/QĐ-BTC ngày 07/8/2025, số 2969/QĐ-BTC ngày 28/8/2025, số 2973/QĐ-BTC ngày 28/8/2025 của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 đối với các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính theo các Phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 được giao, Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính thực hiện theo đúng quy định của

Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Nhà nước, của Bộ Tài chính, đảm bảo công khai, minh bạch và không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- Bộ Tài chính (các Vụ: NSNN, KTN);
- Kho bạc nhà nước;
- Kho bạc nhà nước (nơi giao dịch);
- Kiểm toán nhà nước;
- Cục CNTT (để công khai);
- Lưu: VT, KHTC. **u** (06b)

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỦ TRƯỞNG**



**Nguyễn Đức Tâm**

**Phụ lục I**

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

**Đơn vị: Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số**

**Mã số đơn vị QHNSNN: 1108686**

*(Kèm theo Quyết định số **3341** /QĐ-BTC ngày **03** /10/2025 của Bộ Tài chính)*

*Đơn vị tính: đồng*

| STT       | Nội dung                                                                                                                                                                          | Tổng cộng              | Trong đó               |            |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------|
|           |                                                                                                                                                                                   |                        | Nguồn NSNN             | Nguồn khác |
|           | <b>HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QLNN (Loại 340)</b>                                                                                                                                  | <b>-549.493.046</b>    | <b>-549.493.046</b>    |            |
| <b>I</b>  | <b>QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Khoản 341)</b>                                                                                                                                             | <b>2.616.245.954</b>   | <b>2.616.245.954</b>   |            |
| <b>1</b>  | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                                                                                                                                                  | <b>-10.899.545.046</b> | <b>-10.899.545.046</b> |            |
| 1.1       | Quỹ lương                                                                                                                                                                         | 0                      | 0                      |            |
| 1.2       | Chi quản lý hành chính theo định mức                                                                                                                                              | -234.574.106           | -234.574.106           |            |
| a         | Mua sắm vật tư, công cụ dụng cụ hỗ trợ, sửa chữa cho các thiết bị công nghệ thông tin hết bảo hành và thi công tháo dỡ, lắp đặt thiết bị tại Phòng 219, 616, 618, 626A, 714, 825B | 190.000.000            | 190.000.000            |            |
| b         | Xây dựng Văn bản quy phạm pháp luật                                                                                                                                               | 99.000.000             | 99.000.000             |            |
| c         | Thi công mạng bổ sung và cài đặt máy tính, máy in tại trụ sở làm việc cơ quan Bộ Tài chính (số 28 Trần Hưng Đạo và số 6-8 Phan Huy Chú)                                           | 556.570.000            | 556.570.000            |            |
| d         | Các nội dung khác                                                                                                                                                                 | -1.080.144.106         | -1.080.144.106         |            |
| 1.3       | Các khoản chi ngoài định mức                                                                                                                                                      | -10.664.970.940        | -10.664.970.940        |            |
| a         | Kinh phí hoạt động của Trung tâm dịch vụ Tài chính tại Hòa Lạc                                                                                                                    | -10.664.970.940        | -10.664.970.940        |            |
| a1        | Thuê dịch vụ quản trị, vận hành, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, an ninh trật tự và vệ sinh môi trường thuộc Trung tâm dịch vụ Tài chính                                                | 408.200.000            | 408.200.000            |            |
| a2        | Chi phí vận hành Trung tâm dịch vụ Tài chính                                                                                                                                      | -11.073.170.940        | -11.073.170.940        |            |
| <b>2</b>  | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>                                                                                                                                            | <b>13.515.791.000</b>  | <b>13.515.791.000</b>  |            |
| 2.1       | Kinh phí hoạt động của Trung tâm dịch vụ Tài chính tại Hòa Lạc (Chi phí vận hành Trung tâm dịch vụ Tài chính)                                                                     | <b>13.515.791.000</b>  | <b>13.515.791.000</b>  |            |
| a         | Cài tạo, chỉnh trang Trụ sở làm việc Trung tâm dịch vụ Tài                                                                                                                        | 4.058.000.000          | 4.058.000.000          |            |
| b         | Xây dựng, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy cho các                                                                                                                           | 8.115.000.000          | 8.115.000.000          |            |
| c         | Mua sắm, thay thế, sửa chữa thiết bị của hệ thống chiller                                                                                                                         | 1.066.791.000          | 1.066.791.000          |            |
| d         | Di chuyển thiết bị tủ rack, máy chủ đến Trung tâm dịch vụ                                                                                                                         | 276.000.000            | 276.000.000            |            |
|           |                                                                                                                                                                                   |                        |                        |            |
| <b>II</b> | <b>HOẠT ĐỘNG KHÁC (Khoản 368)</b>                                                                                                                                                 | <b>-3.165.739.000</b>  | <b>-3.165.739.000</b>  |            |
| <b>1</b>  | <b>Kinh phí hoạt động thường xuyên</b>                                                                                                                                            | <b>0</b>               | <b>0</b>               |            |
| <b>2</b>  | <b>Kinh phí hoạt động không thường xuyên</b>                                                                                                                                      | <b>-3.165.739.000</b>  | <b>-3.165.739.000</b>  |            |
| 2.1       | Duy trì hệ thống thông tin của Bộ                                                                                                                                                 | -3.165.739.000         | -3.165.739.000         |            |
|           |                                                                                                                                                                                   |                        |                        |            |

**Ghi chú:**

1. Mục I.1.2.d: Dự toán còn dư năm 2024 chuyển sang năm 2025 là 1.155.832,505 nghìn đồng, điều chỉnh giảm đợt này là 1.080.144,106 nghìn đồng (gồm: chi công tác phí kiểm tra hoạt động cơ sở dữ liệu toàn ngành tài chính; mua sắm vật tư, công cụ dụng cụ hỗ trợ kết nối mạng tại trụ sở cơ quan Bộ Tài chính; báo cáo thường niên Bộ Tài chính; chi nghiệp vụ chuyên môn của đơn vị sự nghiệp; chi nhuận bút, viết bài, biên tập, cập nhật dữ liệu trên Cổng thông tin điện tử và Chuyên trang tin học tài chính, chi Hợp tác Lào;...), kinh phí tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ là 75.688,399 nghìn đồng.

2. Mục I.1.3.a1: Thực hiện nhiệm vụ được phê duyệt tại Quyết định số 118/QĐ-CNTT ngày 04/8/2025 của Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

3. Mục I.1.3.a2: Dự toán còn dư năm 2024 chuyển sang năm 2025.

4. Mục I.2.1.a: Thực hiện nhiệm vụ được phê duyệt tại Quyết định số 126/QĐ-CNTT ngày 07/8/2025 của Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

5. Mục I.2.1.b,c,d: Thực hiện nhiệm vụ được phê duyệt tại Quyết định số 118/QĐ-CNTT ngày 04/8/2025 của Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

*1*

6. Mục II.2.1: Căn cứ dự toán được giao tại Quyết định này, Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số điều chỉnh nhiệm vụ, kinh phí của từng nhiệm vụ đã được giao tại Quyết định số 76/QĐ-BKHĐT ngày 16/01/2025 theo thẩm quyền tại Thông tư số 66/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính làm căn cứ tổ chức thực hiện.

7. Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số:

- Thực hiện phân bổ, giao chi tiết dự toán năm 2025 cho các đơn vị dự toán trực thuộc theo quy định.
- Báo cáo Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) kết quả phân bổ chi tiết dự toán năm 2025 đối với các đơn vị dự toán trực thuộc kèm theo Quyết định điều chỉnh dự toán, điều chỉnh giao nhiệm vụ năm 2025 đối với các đơn vị dự toán trực thuộc./.

Phụ lục II

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

Đơn vị: Văn phòng Bộ Tài chính

Mã số đơn vị QHNSNN: 1132948

Mã số KBNN giao dịch: 0011

(Kèm theo Quyết định số **3341** /QĐ-BTC ngày **03** / **10**/2025 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: đồng

| STT      | Nội dung                                         | Tổng cộng          | Trong đó           |            |
|----------|--------------------------------------------------|--------------------|--------------------|------------|
|          |                                                  |                    | Nguồn NSNN         | Nguồn khác |
|          | <b>HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QLNN (Loại 340)</b> | <b>549.493.046</b> | <b>549.493.046</b> |            |
| <b>I</b> | <b>QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Khoản 341)</b>            | <b>549.493.046</b> | <b>549.493.046</b> |            |
| <b>1</b> | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                 | <b>234.574.106</b> | <b>234.574.106</b> |            |
| 1.1      | Chi quản lý hành chính theo định mức             | 234.574.106        | 234.574.106        |            |
| <b>2</b> | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>           | <b>314.918.940</b> | <b>314.918.940</b> |            |
| 2.1      | Chi khác                                         | 314.918.940        | 314.918.940        |            |
|          |                                                  |                    |                    |            |

✓